

Mật Tạng Bộ 1 _ No.882 (Tr.389 _ Tr.392)

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỂN THỨ MƯỜI LĂM

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc
Khanh_ Truyền Pháp Đại Sư, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bầy tôi là) nhóm THI HỘ
phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

TAM THẾ LUÂN ĐẠI MẠN NOA LA QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ
(Triloka-cakra-mahā-maṇḍala-vidhi-vistara)
PHẦN THỨ MƯỜI MỘT_ CHI HAI

_Bấy giờ, **Kim Cương Tối Thượng Minh Bồ Tát** Ma Ha Tát (Vajra-vidyottama) liền đem Đại Kim Cương Xoa (Mahā-vjra-sūla) đã được nhận, như bánh xe xoay chuyển, làm sự nghiệp **Diệu Tuyên Vũ Cúng Đường** (Nṛtyopahāra-pūjām). Nói Tụng này là:

“Lớn thay! Tất cả Chính Giác Tôn

***Tâm Đại Bồ Đề không có trên** (Mahā-bodhi-cittam anuttaram)*

Nếu chạm bàn chân của Thánh Tôn

Do đây, Ta sẽ được thành Phật”

_Khi ấy, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát từ **Kim Cương Phần Nộ Tam Ma Địa** (Vajra-krodha-samādhi) khởi liền bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Thoạt tiên bàn tay của con thọ nhận chày Đại Kim Cương của tất cả Như Lai, rồi lại trao cho con Pháp **Kim Cương Thủ Quán Đỉnh** (Vajra-pāṇi-abhiśikṭah). Lúc đó nhóm Đại Tự Tại Thiên đều ở các **Kim Cương Bộ của Ngoại Giới** (Bāhya-vajra-kulānām). Nay dựng lập **Giáng Tam Thế Đại Mạn Noa La** (Triloka-vijaya-mahā-maṇḍala) này xong, như con đã làm. Do **Nhân** (Hetu) này cho nên hữu tình của nhóm này đều được **chẳng thoái chuyển** (Avaivartikā) nơi **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksambodhi)”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác liền nói **Nhất Thiết Như Lai Đại Sĩ Đỉnh Luân Đại Minh** (Sarva-tathāgata-mahāsattvoṣṇīṣa-mahā-vidya) là:

“Án, phộc nhật-la, tát đô sất-ni sa, hồng, phát tra”

ॐ वज्रसत्त्वाऽश्निषा हुं फट्

*)OM_VAJRA-SATVA-USṆĪṢA HŪM PHAT

Lúc nói Đại Minh đó thời, từ trong **đỉnh đầu của tất cả Như Lai** (Sarva-tathāgatoṣṇīṣe) hiện ra tượng **Cụ Đức Kim Cương Thủ Đại Bồ Tát** (Bhagavad-Vajra-pāṇi vighrahaḥ). Trong tượng lại hiện vô số sắc quang chiếu khắp Thế Giới. Chiếu xong xoay trở lại, hợp ở bên trên Kim Cương Thủ Đại Bồ Tát, sau đó bèn thành **nhóm ánh sáng của tất cả Như Lai Đỉnh Luân** (Sarva-tathāgatoṣṇīṣa-tejorāśim). Ở trong nhóm ánh sáng đó xuất ra **Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Luân Đại Minh** (Sarva-tathāgatoṣṇīṣa-mahā-vidya) này là:

BANDHĀYA SAMAYAM GRAHAYA _ SARVA-KARMAṆI ME KURU _
MAHĀ-SATVA HŪM PHAṬ

_ Khi ấy, **Kim Cương Tối Thượng Minh Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-vidyottama bodhisattva mahā-sattva) vì lễ kính, phụng hiến bàn chân của Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát cho nên nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, tôn bà, nễ tôn bà (1) phộc nhật-la, vĩ ni-du đát ma, hồng, phát tra**”

ॐ षुभ (१ षुभ वज्र वज्र म हूं हूं हूं)

*)OM_ SUMBHA NISUMBHA VAJRA-VIDYA-UTTAMA HŪM PHAṬ

_ Lúc đó, **Phẫn Nộ Kim Cương Minh Vương** (Krodha-vajra vidyā-rāja) vì lễ kính, phụng hiến bàn chân của Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát cho nên nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Phộc nhật-la, thú la**”

वज्रसुल

*)VAJRA-SŪRA

(Bản khác ghi nhận là: **Hum vajra-sūla**)

_ Bây giờ, **Ma Gia Kim Cương Minh Vương** (Māyā-vajra vidyā-rāja) nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, ma dã, nại lý-xá dã, tát lý-phộc hồng, phát tra**”

ॐ वज्रमय दर्मय म हूं हूं हूं

*)OM_ VAJRA-MĀYA DARŚAYA SARVA HŪM PHAṬ

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra-māya vidarśaya sarvaṃ hum phaṭ**)

_ Khi ấy, **Kim Cương Linh Minh Vương** (Vajra-ghaṃṭa vidyā-rāja) nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, kiện tra (1) la noa, la noa, hồng, phát tra (2)**”

ॐ वज्रचक्र म म हूं हूं हूं

*)OM_ VAJRA-GHAMṬA _ RAṆA RAṆA HŪM PHAṬ

_ Lúc đó, **Tịch Mặc Kim Cương Minh Vương** (Mauna-vajra vidyā-rāja) nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, mô na, ma hạ một-la đa, hồng, phát tra**”

ॐ वज्रमय म न व्रत हूं हूं हूं

*)OM_ VAJRA-MAUNA _ MAHĀ-VRATA HŪM PHAṬ

_ Khi ấy, **Kim Cương Khí Trượng Minh Vương** (Vajrāyudha vidyā-rāja) nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, dụ đà, nại ma ca, hồng, phát tra**”

ॐ वज्रायुध द म क हूं हूं हूं

*)OM_ VAJRA-ĀYUDHA _ DAMAKA HŪM PHAṬ

Nhóm như vậy là Chúng **Minh Vương** (Vidyā-rāja)

_ Khi ấy, **Kim Cương Quân Noa Lê Kim Cương Phẫn Nộ Vương** (Vajra-kuṇḍalir vajra-krodha-rāja) vì lễ kính, phụng hiến bàn chân của Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát cho nên nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, quân noa lê (1) ma hạ phộc nhật-la, cốt-lỗ đà, ngật-lý hận-noa (2) hạ na (3) nại hạ (4) bả tả (5) vĩ đặc-vông tát dã (6) phộc nhật-lý noa, mẫu lý-đà năng, táp-phả la dã (7) tần na, hột-lý nại dương (8) phộc nhật-la cốt lỗ-đà, hồng, phát tra (9)**”

ॐ वज्रकुण्डलि मङ्गल वज्रक्रोद प्रह्लाद नय दन च व वृक्षस्य वज्रम मुखेन
हृदये वृक्षे कुर्यात् वज्रक्रोदं हूं ह्रूं

*)OM_ VAJRA-KUNḌALI _ MAHĀ-VAJRA-KRODHA GR̥HṆA _ HANA DAHA PĀCA VIDHVAMŚAYA _ VAJREṆA MŪRDHĀNA SPHĀRAYA _ BHINDA HRDAYAM VAJRA-KRODHA HŪM PHAT

Lúc đó, Kim Cương Quang Kim Cương Phần Nộ Vương (Vajra-prabha vajra-krodha-rāja) nói Tâm Minh của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, bát-la bà (1) ma la dã (2) táo mê, cốt-lỗ đà, hồng, phát tra (3)**”

ॐ वज्रधन मर्याद मङ्गल क्रोदं हूं ह्रूं

*)OM_ VAJRA-PRABHA MĀRAYA _ SAUMI KRODHA HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: Om_ vajra-prabha māraya saumya-krodha hum phat)

Bây giờ, Kim Cương Trượng Kim Cương Phần Nộ Vương (Vajra-daṇḍa vajra-krodha-rāja) nói Tâm Minh của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, nan noa (1) đa noa dã, tát lý-phộc nột sắt-cổ (2) ma hạ cốt-lỗ đà, hồng, phát tra (3)**”

ॐ वज्रदण्ड गुर्यात् सर्व दुष्ट मङ्गल क्रोदं हूं ह्रूं

*)OM_ VAJRA-DANḌA _ TĀḌAYA SARVA-DUṢṬAM MAHĀ-KRODHA HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: Om_ vajra-daṇḍa tanuya sarva-duṣṭān mahā-krodha hum phat)

Khi ấy, Kim Cương Băng Nga La Kim Cương Phần Nộ Vương (Vajra-piṅgala vajra-krodha-rāja) nói Tâm Minh của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, băng nga la, tỳ sa dã, tát lý-phộc nột sắt-cổ (1) tỳ ma cốt-lỗ đà, hồng, phát tra (3)**”

ॐ वज्रपिङ्गल वेषय सर्व दुष्ट भिमा क्रोदं हूं ह्रूं

*)OM_ VAJRA-PIṅGALA-VEŚAYA SARVA-DUṢṬAM BHĪMA-KRODHA HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: Om_ vajra-piṅgala bhīṣaya sarva-duṣṭān bhīma-krodha hum phat)

Nhóm như vậy là Chúng Kim Cương Phần Nộ Vương (Vajra-krodha-rāja)

Bây giờ, Kim Cương Thuần Noa Đại Ma Chủ (Vajra-śauṇḍa mahā-gaṇapati: Kim Cương Nhiệt Ái Đại Chúng Chủ) vì lễ kính, phụng hiến bàn chân của Kim Cương Thủ Bò Tát Ma Ha Tát cho nên nói Tâm Minh của mình là:

“**Án, phộc nhật-la thuần noa, ma hạ nga noa bát để (1) lạc xoa, tát lý-phộc nột sắt-trí tỳ-du (2) phộc nhật-la đạt la, nghe-diệm, bá la dã, hồng, phát tra (3)**”

ॐ वज्रशुभ्र मङ्गल गणपते रक्ष सर्व दुष्ट वज्रधरं वृक्षे च हूं ह्रूं

*)OM_ VAJRA-ŚAUNḌA MAHĀ-GAṆAPATI RAKṢA SARVA DUṢṬEBHYO _ VAJRA-DHĀRA AJÑĀM-PĀLAYA HŪM PHAT

_ Khi ấy, **Kim Cương Man Đại Ma Chủ** (Vajra-mālā mahā-gaṇapati: Kim Cương Man Đại Chúng Chủ) nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la ma la nga noa bát đề (1) ma la, cát lý-sa dã (2) bát-la phệ thiết dã, phệ thiết dã (3) măn đà dã, măn đà dã (4) phộc thi, cô lỗ, ma la dã, hồng, phát tra (5)**”

ॐ वज्रमाला गणपते मरुत्कक्षय प्रवेसय प्रवेसय वषट् वषट् वषट्
कुर्व मरुत्क्षं कुरु

*)OM_ VAJRA-MĀLĀ-GAṆAPATI MĀRA-AKARŚĀYA PRAVEŚĀYA
AVEŚĀYA _ BANDHĀYA BANDHĀYA_ VAŚĪ-KURU MĀRAYA HŪM PHAṬ

_ Lúc đó, **Kim Cương Kính Ái Đại Ma Chủ** (Vajra-vaśī mahā-gaṇapati: Kim Cương Kính Ái Đại Chúng Chủ) nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la phộc thi, ma hạ nga noa bát đa duệ (1) phộc thi, cô lỗ, hồng, phát tra (2)**”

ॐ वज्रवणी मन् गणपतये वषट् कुर्वं कुरु

*)OM_ VAJRA-VAŚĪ MAHĀ-GAṆAPATAYE _ VAŚĪ-KURU HŪM PHAṬ

_ Bây giờ, **Tôi Thắng Kim Cương Đại Ma Chủ** (Vijaya-vajra mahā-gaṇapati: Tòì Thắng Kim Cương Đại Chúng Chủ) nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dương, cô lỗ (1) ma hạ nga noa bát đề, hồng, phát tra (2)**”

ॐ वज्र विरुद्य विरुद्यं कुर्व मन् गणपते क्षं कुरु

*)OM_ VAJRA-VIJAYA VIJAYAM KURU _ MAHĀ-GAṆAPATI HŪM PHAṬ

Nhóm như vậy là chúng **Đại Ma Chủ** (Mahā-gaṇapati: Đại Chúng Chủ)

_ Khi ấy, **Kim Cương Mục Sa La Kim Cương Sứ Giả** (Vajra-musala vajra-dūta) vì lễ kính, phụng hiến bàn chân của Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát cho nên nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, mục sa la (1) cô tra, cô tra, tát lý-phộc nột sắt-tra (2) phộc nhật-la, nỗ đa, hồng, phát tra (3)**”

ॐ वज्रमुसले कुट्ट कुट्ट मर्वं कुरु वज्र सुत्रं क्षं कुरु

*)OM_ VAJRA-MUSALA_ KUṬṬA KUṬṬA SARVA-DUṢṬA-VAJRA-DŪTA HŪM PHAṬ

(Bản khác ghi nhận là: Om_ vajra-musala kṛṭṭa kuṭṭa_ sarva-duṣṭān vajra-dūta huṃ phat)

_ Lúc đó, **Kim Cương Phong Kim Cương Sứ Giả** (Vajrānilā vajra-dūta) nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, a nễ la (1) ma hạ phệ nga na dã, tát lý-phộc nột sắt-điểm, hồng, phát tra (2)**”

ॐ वज्र ऐल मन् वज्राय मर्वं कुरु क्षं कुरु

*)OM_ VAJRĀNILĀ_ MAHĀ-VEGĀNAYA SARVA-DUṢṬAM HŪM PHAṬ

_ Bây giờ, **Kim Cương Hỏa Kim Cương Sứ Giả** (Vajrānala vajra-dūta) nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, a na la, ma hạ nỗ đa (1) nhập-phộc la dã, tát lý-phộc bạt
tát-di, cô lỗ (2) tát lý-phộc nột sắt-điểm, hồng, phát tra (3)**”

ॐ वज्रजलमनसुर्गज्जलयसर्वरक्षितुर्मसर्वसुखं हं ह्रूं ह्रूं

*)OM_ VAJRĀNALA_ MAHĀ-DŪTA_ JVALĀYA_ SARVA-BHASMĪ
KURU_ SARVA-DUṢṬAṀ HŪṀ PHAṬ

_Khi ấy, **Kim Cương Bôi La Phộc Kim Cương Sứ Giả** (Vajra-bhairava vajra-
dūta) nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, bôi la phộc nỗ đa (1) bạc xoa dã, tát lý-phộc nột sắt-điểm
(2) ma hạ được xoa, hồng, phát tra (3)**”

ॐ वज्रक्षेत्रवसुर्गज्जलयसर्वसुखं मनस्यसुखं हं ह्रूं

*)OM_ VAJRA-BHAIRAVA-DŪTA_ BHAKṢĀYA_ SARVA-DUṢṬAṀ
MAHĀ-YAKṢA HŪṀ PHAṬ

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra-bhairava vajra-dūta bhakṣaya sarva-
duṣṭān mahā-yakṣa huṃ phaṭ**)

Nhóm như vậy là chúng **Kim Cương Sứ Giả** (Vajra-dūta)

_Bấy giờ, **Kim Cương Câu Kim Cương Bộc Sứ** (Vajrāṃkuśa vajra-ceṭa) vì lễ
kính, phụng hiến bàn chân của Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát cho nên nói **Tâm
Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-lăm cô xá, cát lý-sa dã, tát lý-phộc (1) ma hạ tế tra, hồng,
phát tra (2)**”

ॐ वज्रकुशिकषयसर्वमनस्यसुखं हं ह्रूं

*)OM_ VAJRĀMKUŚĀKARṢAYA_ SARVA-MAHĀ-CEṬA_ HŪṀ PHAṬ

_Khi ấy, **Kim Cương Ca La Kim Cương Bộc Sứ** (Vajra-kāla vajra-ceṭa) nói
Tâm Minh của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, ca la, ma hạ mật-lý đát-dung (1) ớt đát-bá nại dã, hồng,
phát tra (2)**”

ॐ वज्रकालमनस्युत्पदय हं ह्रूं

*)OM_ VAJRA-KĀLA MAHĀ-MṚTYU UTPĀDAYA HŪṀ PHAṬ

_Lúc đó, **Kim Cương Vĩ Na Dã Ca Kim Cương Bộc Sứ** (Vajra-vināyaka vajra-
ceṭa) nói **Tâm Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, vĩ na dã ca tả (1) vĩ cận-năng, cô lỗ, hồng, phát tra (2)**”

ॐ वज्रविनायकेश्वरसुखं हं ह्रूं

*)OM_ VAJRA-VINĀYAKĀSYA VIGHNA KURU HŪṀ PHAṬ

_Bấy giờ, **Long Kim Cương Kim Cương Bộc Sứ** (Nāga-vajra vajra-ceṭa) nói
Tâm Minh của mình là:

“**Án, na nga phộc nhật-la (1) a na dã, tát lý-phộc đạt na đà ninh-dã (2) hứ la
ni-dã, tô phộc lan-noa, ma ni, mục cật-đa, lăm ca la ní nễ (3) tát lý-vũ ba cát la
noa nễ (4) phộc nhật-la đạt la, tam ma dã, nậu tam-ma la (5) cát trà (6) ngật-lý
hận-noa (7) mấn đà (8) hạ la hạ la, bát-la noãn (9) ma hạ tế tra, hồng, phát tra
(10)**”

ॐ नमो वज्रवद्य सर्व धन दशु क्रोत्रु सुवन् मम सुखं नरु दीर्
सुखं नरु दीर् वज्रवद्य समुद्रवद्यु नरु कुत्रु वद्य नरु नरु वद्यु मद्य
वद्यु नरु

*)OM_ NĀGA-VAJRĀNAYA_ SARVA-DHANA_ DHĀNYA_ HIRANYA_ SUVARṆA-MANI-MUKTĀLAMKĀRĀ_ DĪNI_ SARVA-UPAKARAṆĀNI_ VAJRA-DHĀRA-SAMAYA_ ANUSMARA_ KATA_ GRHṆA_ BANDHA_ HARA_ HARA_ PRĀNĀM_ MAHĀ-CEṬA_ HŪM_ PHAṬ

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ_ nāga-vajrānaya_ sarva-dhana-dhānya-hiraṇya-suvarṇa-maṇi-muktālaṅkāradīni, sarvopakaraṇāni vajra-dhara-samayam anusmara kaḍḍha grhṇa bandha hara hara prāṇān mahā-ceṭa hum phaṭ**)

Nhóm như vậy là chúng **Kim Cương Bộc Sử** (Vajra-ceṭa)

__Bây giờ, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát nói **Nhất Thiết Kim Cương Bộ Câu Triệu Tam Muội Đại Minh** (Sarva-vajra-kulākarṣaṇa-samayam mahā-vidya) này là:

“**Án, phộc nhật-lãm cô xá, cát lý-sa dã, hồng**”

ॐ वज्रकुलिषद्य ह्रं

*)OM_ VAJRĀMKUŚA-AKARṢAYA_ HŪM

__Tiếp nói **Dẫn Nhập Đại Minh** (Praveśana-samayam mahāvidya: Dẫn Nhập Tam Muội Đại Minh) là:

“**Án, phộc nhật-la, bá thiết, cát trà, hồng**”

ॐ वज्रपति कट ह्रं

*)OM_ VAJRA-PĀŚA_ KATA_ HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Hum_ vajra-pāsā kaḍḍha hum**)

__Tiếp nói **Tam Muội Phộc Đại Minh** (Samaya-bandham mahā-vidya) là:

“**Án, phộc nhật-la, táp-bồ tra, tông**”

ॐ वज्रकेट वं

*)OM_ VAJRA-SPHOṬA_ VAṂ

(Bản khác ghi nhận là: **Hum_ vajra-sphoṭa vaṃ**)

__Tiếp nói **Yết Ma Đại Minh** (Karma mahā-vidya) là:

“**Án, phộc nhật-la, cát lý-ma, sa đạt dã, cật-lý đót**”

ॐ वज्रकर्म सदद्य क्रुं

*)OM_ VAJRA-KARMA_ SĀDHAYA_ KRṬ

__Khi ấy, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát nói **Nhất Thiết Kim Cương Bộ Đại Mạn Noa La** (Sarva-vajra-kula-mahā-maṇḍalam) này.

Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói

Đại Mạn Noa La thắng vô thượng

Tướng ấy giống như **Pháp Luân Đàn** (Dharma-cakra-maṇḍala)

Thứ tự giảng các Mạn Noa La

Đại Minh giảng đây (Sūtraṇa-vidya) là:

“**Án, phộc nhật-la, tô đát-la, cát lý-sa dã (1) tát lý-phộc mạn noa lãm (2)**”

ॐ वज्रसुवनषद्य सर्व मण्डलं

*)OM_ VAJRA-SŪTRA-AKARṢAYA_ SARVA_ MAṆḌALĀM

(Bản khác ghi nhận là: **Om vajra-sūtrākaraṣaya sarva-maṇḍalān hūṃ**)

Trong Mạn Noa La cần phải dùng
Cây **Khiết Nỉ La** (Khadila) làm **cái cọc** (Kīlaka)
Dây ấy gấp bội, y Pháp Nghi
Làm xong tùy lượng giảng Đàn Vị
Đại Minh dùng cây cọc là:

“**Án, phộc nhật-la, kế la (1) kế la dã, tát lý-phộc, vĩ cận-năng, hồng, phát tra**
(2)”

ॐ वज्रकिलकिलयसर्वविघ्नहृन् ह्रूं

*)OM_VAJRA-KĪLA KĪLAYA_SARVA VIGHNA HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: **Om vajra-kīla-kīlaya sarva-vidhnan bandhaya hūṃ**
phat)

_ Bốn dây y Pháp mà hòa hợp
Thứ tự nên giảng **Luân Đàn** (Cajra-maṇḍala) ấy
Dàn ra giảng trong **Ngoại Giới** (Bāhyatas) ấy
Cũng lại như trước làm gấp đôi
Hoặc lại gấp ba, tùy ứng làm
Thứ tự giảng **Ngoại Mạn Noa La** (Bāhya-maṇḍala)
Các phần góc ấy y Bản Nghi
Giảng **Ngung Giới** ấy nên như lượng
Đây tức là **Nghi Quỹ giảng dây** (Sūtraṇa-vidha)

Sau đó tùy dây đã giảng ấy
Dùng năm loại màu sạch, viên mãn
Tay trái tác Đại Kim Cương Quyền
Thứ tự tùy ý **phần** Đàn Giới
Ngũ Sắc Đại Minh (Pañca-raṅga mahā-vidya) là:
“**Án, phộc nhật-lãm nga, tam ma dã, hồng**”

ॐ वज्रसमय ह्रूं

*)OM_VAJRĀṅGA-SAMAYA_HŪM

Trong Đàn y Pháp đã thành xong
A Xà Lê trụ Đẳng Dẫn Tâm
Tiếp nên chú ý mở cửa Đàn
Cửa Kim Cương ấy mở bốn cái
Khai Môn Đại Minh (Dvārodghāṭana mahā-vidya) là:

“**Án, phộc nhật-lỗ nột-già tra dã (1) tam ma dã, bát-la vĩ thiết, thi kiệt-lãm**
(2) tam-ma la, phộc nhật-la, tam ma dã, hồng, phát tra (3)”

ॐ वज्रउदघाटयसमयप्रवेशसिंघ्रामस्मरवज्रसमय ह्रूं

*)OM_VAJRA-UDGHĀṬAYA SAMAYA PRAVEŚA ŚĪGHRAṂ SMARA
VAJRA-SAMAYA HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: **Om vajrodghāṭaṇa samaya praviśa śiṅhram smara**
vajra-samaya Om hūṃ phat)

Y Pháp hoặc dùng vàng, hoặc bạc
Hoặc đắp hoặc thêu ở tượng lỵ

Tùy ứng, an bày ở bốn phương
Bốn hình tượng Phật nên như Giáo
Chư Phật Đại Minh (Sarva-buddha mahā-vidya) là:
“**Án, tát lý-phộc, vĩ đốt**”
ॐ म त्रं व्र त्त
*)OM_ SARVA VID

Tiếp lại ở bốn mặt Phật ấy
Nên vẽ bốn Đại Sĩ bí mật
Giữa an Kim Cương Thủ Thánh Tôn
Làm tướng Giáng Tam Thế phần nô
Đại Minh của bốn vị Đại Sĩ là:
“**Án, tôn bà, nễ tôn bà, hồng (1) ngật-lý hận-noa, ngật-lý hận-noa, hồng (2) ngật-lý hận-noa, ba dã, hồng (3) a na dã hô, bà nga tông (4) phộc nhật-la, hồng, phát tra (5)**”
ॐ शुभ्रं व्र शुभ्रं ह्रं व्रह्मव्रह्मं ह्रं व्रह्मं मयं ह्रं मयं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं
*)OM- SUMBHA NISUMBHA HŪM – GRHṆA GRHṆA HŪM – GRHṆA APAYA HŪM – ĀNAYA HOḤ – BHAGAVAM VAJRA HŪM PHAT

“**Án, phộc nhật-la bệt-lý cô chi, cốt-lỗ đà, na dã (1) tát lý-phộc la đát-năng, hệ, phát tra (2)**”
ॐ व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं
*)OM_ VAJRA-BHRĀKUTĪ KRODHĀNAYA_ SARVA-RATNA AHI PHAT
(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra-bhr̥kuṭi krodhānaya sarva-ratnān hiḥ phat**)

“**Án, phộc nhật-la nại-lý sắt-trí (1) cốt-lỗ đà, nại-lý sắt-tra-dã, ma la dã, hồng (2)**”
ॐ व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं
*)OM_ VAJRA-DRṢṬĪ KRODHA-DRṢṬIYA MĀRAYA_ HŪM

“**Án, phộc nhật-la, vĩ thuyết, cốt-lỗ đà, cô lỗ (1) tát lý-võng, vĩ thuyết lỗ ba đa dã, sa đạt dã, hồng, phát tra (2)**”
ॐ व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं व्रह्मं
*)OM_ VAJRA-VISVA-KRODHA KURU_ SARVAM VISVA RŪPATAYA SĀDHAYA HŪM PHAT

_Nếu dây dưới (hạ tuyến) thời nên Chú Niệm
Chẳng nên ra vào trái phải hạn
Dùng **bước Kim Cương** (Vajra-vega) thứ tự đi
Các Đàn Giới ấy đều y Pháp
Kim Cương Bộ Đại Minh (Vajra-vega mahā-vidya) là:
“**Phộc nhật-la, phệ nga**”
व्रह्मं व्रह्मं
*)VAJRA-VEGA

_Dùng bước Kim Cương mà tiến dần

Đông: bày Mạn Noa La thứ nhất
Y thứ tự ấy, như Nghi quỹ
An bốn Minh Vương nhóm **Ma Gia** (Māyā)

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, phộc nhật-la, tác cật-la, hồng**”

ॐ वज्रवक्त्रं

*)OM_ VAJRA-CAKRA _ HŪM

“**Án, phộc nhật-la, kiện tra, hồng**”

ॐ वज्रचक्रं

*)OM_ VAJRA-GHAMṬA _ HŪM

“**Án, phộc nhật-la, nan noa cương, phộc, hồng**”

ॐ वज्रदण्डकं वः

*)OM_ VAJRA-DANḌAKAṂ VAḤ HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra-daṇḍa-kāṣṭha hūm**)

“**Án, phộc nhật-la, dụ đà, hồng**”

ॐ वज्रयुधं

*)OM_ VAJRA-YUDHA _ HŪM

_Dùng bước Kim Cương mà tiến dần

Nam: bày Mạn Noa La thứ hai

An bày **Kim Cương Phần Nộ Tôn** (Vajra-krodha-nātha)

Nhóm **Quân Noa Lê** (Vajra-kuṇḍali) thứ tự bốn

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, phộc nhật-la, bát-la nhập-phộc lý đa, bát-la nỉ bát-đa, phộc nhật-la, hồng**”

ॐ वज्रप्रज्वलिताप्रदीपवज्रं

*)OM_ VAJRA-PRAJVALITA PRADĪPTA VAJRA HŪM

“**Án, phộc nhật-la, táo miểu, hồng**”

ॐ वज्रसौम्यं

*)OM_ VAJRA-SAUMYA _ HŪM

“**Án, phộc nhật-la, nan noa, hồng**”

ॐ वज्रदण्डं

*)OM_ VAJRA-DANḌA HŪM

“**Án, phộc nhật-la, vĩ cật-lý đa, hồng**”

ॐ वज्रविक्रं

*)OM_ VAJRA-VIKṚTA HŪM

_Dùng bước Kim Cương mà tiến dần

Tây: bày Mạn Noa La thứ ba

Nhóm **Kim Cương Mục Sa La** (Vajra-musala) bốn

Kim Cương Sứ Giả (Vajra-dūta) y thứ tự

Đại Minh của nhóm này là:

“Án, phộc nhật-la, mục sa la, hồng”

ॐ वज्र मुसल ह्रं

*)OM_ VAJRA-MUSALA HŪM

“Án, phộc nhật-la, bát tra, hồng”

ॐ वज्र पट ह्रं

*)OM_ VAJRA-PATA HŪM

“Án, phộc nhật-la, nhập-phộc la, hồng”

ॐ वज्र जल ह्रं

*)OM_ VAJRA-JVALA HŪM

“Án, phộc nhật-la, ngật-la ha, hồng”

ॐ वज्र गृह ह्रं

*)OM_ VAJRA-GRAHA HŪM

Dùng bước Kim Cương mà tiên dân

Bác: bày Mạn Noa La thứ tư

Nhóm **Kim Cương Câu** (Vajāṃkuśa), bốn **Bộ Sứ** (Ceta)

Như Giáo thứ tự nên an trí

Đại Minh của nhóm này là:

“Án, phộc nhật-la, năng sắt-tra-la, hồng”

ॐ वज्र दंष्ट्र ह्रं

*)OM_ VAJRA-DAMṢṬRA HŪM

“Án, phộc nhật-la, ma la noa, hồng”

ॐ वज्र मारु ह्रं

*)OM_ VAJRA-MĀRAṆA HŪM

“Án, phộc nhật-la, vĩ kiệt na, hồng”

ॐ वज्र विज ह्रं

*)OM_ VAJRA-VIGHNA HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra-vidhna hūm**)

“Án, phộc nhật-la, hạ la noa, hồng”

ॐ वज्र हरु ह्रं

*)OM_ VAJRA-HARAṆA HŪM

Dùng bước Kim Cương mà tiên dân

Y Pháp nên vẽ ở bốn cửa

Nhóm **Kim Cương Thuần Na** (Vajra-śauṇḍa), **Ma Chủ** (Gaṇa-pati: Chúng Chủ)

Như thứ tự ấy nên an bày

Đại Minh của nhóm này là:

“Án, phộc nhật-la, ma na, hồng”

ॐ वज्र म न ह्रं

*)OM_ VAJRA-MANA HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra mada hūṃ**)

“**Án, phộc nhật-la, ma la, hồng**”

ॐ वज्र मारु हूं

*)OM_ VAJRA-MĀRA HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra māle hūṃ**)

“**Án, phộc nhật-la, lý-tha, hồng**”

ॐ वज्र अर्थ हूं

*)OM_ VAJRA-ARTHA HŪM

“**Án, phộc nhật-la, a thát, hồng**”

ॐ वज्र असी हूं

*)OM_ VAJRĀSĪ HŪM

_Dùng bước Kim Cương mà tiến dần

Bày phần vị **Ngoại Mạn Noa La** (Bāhya-maṇḍala)

Giáp vòng nên vẽ **các Mẫu Thiên** (Sarva-mātr)

Như Giáo thứ tự nên chia bày

Hết thầy trong bốn cửa Kim Cương

Hộ Môn Hiền Thánh (Dvāra-pāla devatā) trước đã nói

Mà Ta nói **Thắng Đàn Nghi** ấy

Mỗi một đều như Nghi Quỹ nói

_Như vậy trong **Tam Thế Luân Đại Mạn Noa La** (Triloka-cakra-mahā-maṇḍala) hết thầy sự nghiệp của nhóm Câu Triệu, mỗi một đều y theo Bản Giáo làm xong. **Kim Cương A Xà Lê** (Vajrācārya) cần phải tự kết **Kim Cương Phần Nộ Đế Lý Đế Lý Án** (Vajra-krodha Terintiri-mudrām) liền vì **Đệ Tử** (Śiṣya) nói rằng: “*Nay Ta từ **Kim Cương Tam Muội Trí** (Vajra-samaya-jñāna) ấy đã sinh ra. Người chẳng nên dùng Tam Muội Pháp này giao tiếp vì người nói. Không khiến bị phản ngược, chiêu vờ tai họa, hoại mất thân mệnh, sau khi chết bị rơi vào Đại Địa Ngục*”

Nói như vậy xong, lại vì Đệ Tử trao cho **Thệ Tâm Đại Minh** (Śapatha-hṛdayam mahā-vidya). Sau đó dùng Kim Cương Phần Nộ Đế Lý Đế Lý Án đã kết, liền làm biểu thị.

Lại nói lời này: “*Nếu có trái vượt **Tam Muội Phộc Giã** (Samayaṃ bandhaya). Đây là **Kim Cương Phần Nộ Tam Muội** (Vajra-krodha-samaya), từ đỉnh đầu phát khởi phá hoại thân ấy. Chính vì thế cho nên, y theo chỗ làm của Pháp*”

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIỆP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỀN THỨ MƯỜI LĂM (Hết)